

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2018/DS-PT

Ngày: 14-9-2018

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Hải Yến

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Bằng

Bà Nguyễn Thị Lan Anh;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐ-PT ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số nhà 129, tổ dân phố Ng Đ, phường Đ M, quận N T L, thành phố Hà Nội.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số nhà 6B, ngách 103, ngõ 1194, đường L , phường L Th, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cụ Trần Thị Ph, sinh năm 1932

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964;

- Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1967;

- Ông Dương Ngọc A, sinh năm 1960

Đều cư trú tại: Thôn Ph M, xã Th T, huyện K X, tỉnh Thái Bình.

- Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Số nhà 20, ngõ 63, tổ dân phố Ng Đ, phường Đ M, quận N T L, thành phố Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Số nhà 101, ngõ 63, tổ dân phố Ng Đ, phường Đ M, quận N T L, thành phố Hà Nội;

- Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số nhà 11, ngõ 16, tổ 33, phường B X, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

- Bà Phạm Thị Kh, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Số nhà 29, tổ 17, phường Ph Kh, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

- Ông Lương Thanh T, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Số nhà 6B, ngách 103, ngõ 1194, đường L, phường L Th, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

- Ủy bA nhân dân xã Th T, huyện K X, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Mạnh Hà – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Th T, huyện K X, tỉnh Thái Bình

**Người kháng cáo:** nguyên đơn bà Phạm Thị Th

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Trần Thu N và luật sư Nguyễn Thị H –Văn phòng Luật sư TV và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

*(Tại phiên tòa có mặt bà Th, bà Nh, bà Tr, luật sư N, vắng mặt những người khác)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Th và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th trình bày: Bố mẹ bà là cụ Phạm Đăng Ch và cụ Trần Thị Ph sinh được 09 người con gồm: Phạm Đăng Tr (Liệt sỹ chống Mỹ); Phạm Thị Tr, Phạm Thị Ch, Phạm Thị B, Phạm Thị Th, Phạm Thị H, Phạm Thị H1, Phạm Thị Nh, Phạm Thị Kh. Bố mẹ bà tạo lập được mảnh đất có diện tích 1230m<sup>2</sup> là các thửa đất số: 3581, 3582, 3583, 4148 thuộc tờ bản đồ số 02 và ngôi nhà mái bằng diện tích 40m<sup>2</sup>, thuộc thôn Ph M, xã Th T, huyện K X, tỉnh Thái Bình. Năm 1989, bố mẹ bà có tặng cho vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Dương Văn A (là con gái, con rể) diện tích đất 220m<sup>2</sup> (thửa 3582) và cho vợ chồng bà H mượn thửa đất số 3581 phía trước nhà. Năm 1994, bà H, ông A đã chuyển nhượng 220m<sup>2</sup> đất (thửa số 3582) cho bà Phạm Thị B, ông Lương Thanh T. Sau khi nhận chuyển nhượng

diện tích thửa đất số 3582 thì vợ chồng bà B, ông T đã chiếm luôn thửa đất số 3581 cho đến nay.

Năm 2006 cụ Phạm Đăng Ch chết, không để lại di chúc. Hiện nay mẹ bà đang quản lý sử dụng các thửa đất 3583, 4148 và ngôi nhà mái bằng nêu trên. Bà B đang quản lý sử dụng các thửa đất số 3581 và 3582. Bà B đòi chia phần đất (di sản thừa kế do bố bà để lại) thường xuyên gây mất đoàn kết trong gia đình. Gia đình cụ Ph đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Th T hòa giải nhiều lần nhưng không thành, bà B vẫn tiếp tục chiếm dụng diện tích của thửa 3581 nêu trên và còn có ý định chiếm toàn bộ phần diện tích các thửa đất số 3583 và 4148 mà cụ Ph đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do cụ Phạm Đăng Ch để lại gồm  $\frac{1}{2}$  ngôi nhà mái bằng (cụ Ph đang sinh sống) và  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất của các thửa đất 3581, 3583, 4148 thuộc tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1992 tại thôn Ph M, xã Th T, huyện K X. Kỳ phần được hưởng bà sẽ nhường lại toàn bộ cho cụ Ph sử dụng.

- Bị đơn bà Phạm Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Thanh T không đến Tòa án để làm việc và không có bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Ph, bà Tr, bà Ch, bà H, bà H1, bà Nh, bà Kh đã ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng tại Tòa án. Bà Th đại diện cho cụ Ph trình bày: cụ Ph có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ phần di sản do cụ Ch để lại, cụ sẽ thanh toán cho những người thừa kế bằng giá trị kỳ phần họ được hưởng, nếu ai nhường cho cụ thì cụ nhận. Bà Th đại diện cho bà Tr, bà Ch, bà H, bà H1, bà Nh, bà Kh trình bày là kỳ phần được hưởng sẽ nhường lại toàn bộ cho cụ Ph.

Ông Dương Ngọc A trình bày: Thửa đất số 3581 trước năm 1989 thuộc quyền sử dụng của cụ Ch và cụ Ph, từ năm 1989 đến năm 1994 khi ông ở tại thửa đất 3582 thì ông sử dụng, nhưng sau khi ông chuyển nhượng thửa đất 3582 cho ông T, bà B thì ông đã trả lại cho cụ Ch, cụ Ph, ông đã báo cáo với chính quyền địa phương về việc này.

Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K X, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về chia di sản thừa kế do cụ Ch chết để lại là giá trị một phần hai của: Ngôi nhà mái bằng, quyền sử dụng đất các thửa đất số 3583, 4148 tờ bản đồ số 02 đo năm 1992 tại thôn Ph M, xã Th T, huyện K X, tỉnh Thái Bình (nay là thửa số 191 diện tích 454,7 m<sup>2</sup> trong đó 360m<sup>2</sup> đất ở và 94,7m<sup>2</sup> là đất vườn; Thửa số 192 diện tích 629,7m<sup>2</sup> theo tờ bản đồ số 13 VLap đo năm 2010), có giá trị là: 65.685.950 đồng. Một phần hai tài sản trên còn lại thuộc quyền sở hữu và sử dụng của cụ Trần Thị Ph.

2. Chia theo giá trị của di sản, kỷ phần được hưởng của những người thừa kế: Cụ Trần Thị Ph, bà Phạm Thị Tr, bà Phạm Thị Ch, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị Nh, bà Phạm Thị Kh đều bằng nhau là 7.298.438 đồng.

3. Giao cho cụ Trần Thị Ph được sử dụng toàn bộ ngôi nhà và các công trình phụ khác trên thửa đất 191. Cụ Ph được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 191 diện tích 454,7m<sup>2</sup> trong đó 360m<sup>2</sup> đất ở, 94,7m<sup>2</sup> là đất vườn; Thửa số 192 diện tích 629,7m<sup>2</sup> theo bản đồ VLap đo năm 2010) và sở hữu toàn bộ tường dậu bao quanh thổ.

Thửa đất 191 và 192 liền kề nhau, có các mặt tiếp giáp là: Phía Bắc giáp các số thửa 188, 193, 194, 195 và ngõ đi cũ có số đo là 19,8m; Phía Nam giáp đường liên thôn có số đo là 31,47m; Phía Đông giáp các số thửa 197, 198, 199, 200 có số đo là 53,61m; Phía Tây giáp nhà và giáp lối đi vào nhà ông T, bà B có số đo là 43,70m – Theo trích đo hiện trạng khu đất đo ngày 13/12/2017 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai K X (Kèm theo sơ đồ trích đo hiện trạng khu đất, đo ngày 13/12/2017 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K X)

4. Chấp nhận sự nhượng lại toàn bộ kỷ phần được hưởng của bà Phạm Thị Tr, bà Phạm Thị Ch, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị Nh, bà Phạm Thị Kh mỗi người là 7.298.438 đồng cho cụ Trần Thị Ph sử dụng.

5. Cụ Trần Thị Ph phải thanh toán cho bà Phạm Thị B là 7.298.438 đồng.

6. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đòi chia thừa kế với quyền sử dụng thửa đất số 3581 tờ bản đồ số 2 năm 1992.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2018, bà Phạm Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện K X, tỉnh Thái Bình. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2018 bà Phạm Thị Th chỉ kháng cáo mục 6 của phần Quyết định của bản án sơ thẩm.

Đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 3581 tờ bản đồ số 2 đo năm 1992.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 3581 tờ bản đồ số 2 đo năm 1992. Bà Tr, bà Nh đồng ý với yêu cầu của bà Th

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX xác định thêm về nguồn gốc thửa đất 3581 có phải là của cụ Ch, cụ Ph không; mặt khác năm 2014 ông Dương Ngọc A đã trả lại UBND xã Th T thửa đất trên nhưng chưa làm rõ có việc trả đất đó hay không. Đề nghị HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định đối với thửa đất 3581.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ. Luật sư Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng nguyên đơn đề nghị HĐXX vẫn tiến hành việc xét xử.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn thấy:

[2.1] Nguồn gốc đất của cụ Ch, cụ Ph: theo bản đồ đo đạc 299, diện tích đất của cụ Ch, cụ Ph thuộc thửa 1458 có diện tích là 530m<sup>2</sup> (đất thổ) và đi ngõ phía sau thửa đất để ra đường giao thông; giáp đường giao thông là thửa đất 1456 (đất thung hai lúa do Hợp tác xã quản lý). Quá trình sử dụng đất, gia đình cụ Ph đã lấn chiếm một phần diện tích của thửa đất 1456 để mở ngõ đi ra đường giao thông. Năm 1989 cụ Ph và cụ Ch tặng cho con gái và con rể là bà H, ông A một phần diện tích là 200m<sup>2</sup>. Theo bản đồ đo đạc năm 1992 diện tích đất của cụ Ch, cụ Ph thuộc thửa 3583, diện tích 380m<sup>2</sup>; đất ao thuộc thửa 4148 diện tích 470m<sup>2</sup>. Theo đo đạc Vlap 2010 thửa đất của cụ Ph, cụ Ch thuộc thửa 192 diện tích 454,7m<sup>2</sup>; đất ao thuộc thửa 191 diện tích 629,6m<sup>2</sup>.

[2.2] Nguồn gốc thửa đất 3581: theo bản đồ đo đạc 299 thì thửa đất 3581 là đất ao thuộc thửa 1459, diện tích  $160\text{m}^2$  do Hợp tác xã quản lý. Năm 1993 thực hiện theo quyết định 652 của UBND tỉnh Thái Bình, do diện tích ao  $160\text{m}^2$  giáp đất của hộ ông bà H, A (giáp thửa 3582) nên UBND xã Th T giao cho ông A, bà H quản lý và quy đổi  $160\text{m}^2$  ao =  $24\text{m}^2$  đất ruộng ngoài đồng. Năm 1994 ông A, bà H chuyển nhượng phần diện tích đất của thửa 3582, còn phần diện tích đất ao của thửa 3581 vẫn thuộc quyền quản lý của ông A, bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông A, bà H gia đình ông T, bà B sử dụng luôn phần diện tích đất ao và đã sA lấp thành sân nhưng trên sổ sách quản lý tại địa phương thì vẫn là đất nông nghiệp giao cho ông A, bà H, hàng năm vẫn đóng thuế với Nhà nước. Theo đo đạc Vlap 2010 thì thửa đất của ông Tô, bà B thuộc thửa 190 bao gồm: đất thuộc thửa 3581 + đất thửa 3582 + một phần đất thùng, tổng diện tích theo hiện trạng là  $504,3\text{m}^2$ . UBND xã Th T xác định nguồn gốc đất của thửa 3581 là đất công, không phải đất nguyên thổ của gia đình cụ Ch, cụ Ph.

[2.3] Về lời khai của ông Dương Ngọc A cho rằng đã trả lại thửa đất 3581 cho cụ Ch, cụ Ph và đã báo cáo với chính quyền địa phương nhưng tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện: Hiện nay trên sổ sách phần diện tích đất của thửa 3581 vẫn là diện tích đất quỹ I giao cho ông A, bà H quản lý sử dụng, không liên quan đến gia đình cụ Ch, cụ Ph.

Như vậy án sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất 3581 từ bản đồ số 2 đo đạc năm 1992 và các tài sản trên thửa đất này không phải là di sản do cụ Ch để lại là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh thửa đất 3581 là của cụ Ch, cụ Ph. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Phạm Thị Th không được chấp nhận nên bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện KX, tỉnh Thái Bình về phần quyết định đối với thửa đất 3581. Cụ thể: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đòi chia thừa kế với quyền sử dụng thửa đất số 3581 từ bản đồ số 2 năm 1992.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ bà Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001015 ngày 10/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K X, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/9/2018./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân h K X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Lương Hải Yến**